



Người đại diện theo pháp luật

- BCTC.

Tại liên đính kèm:

ngày: 13/08/2025 tại đường dẫn: <http://cencon.vn>.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào

☐ Không

☒ Có

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Không

☒ Có

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo

cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Không

☒ Có

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Không

☒ Có

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC:

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

BCTC riêng

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025:

2. Nội dung thông tin công bố:

- Mã chứng khoán: CEN
- Địa chỉ: Lô 45-50B đường Thủy Hoa, Phường Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
- Điện thoại liên hệ/Tel: (024) 6285 0292 Fax: (024) 6285 0292
- Email: cenconvietnam@gmail.com Website: cencon.vn

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Số Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty cổ phần CENCON Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bản niên năm 2025 đã được soát xét với

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Lào Cai, ngày 13 tháng 8 năm 2025

-----00-----

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN

CENCON VIỆT NAM

Số: 30 /2025/CEN

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CENCON
VIỆT NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CENCON VIỆT NAM
DN: C=VN, S=Lào Cai, O=CÔNG TY
CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON
VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0107268056
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2025.08.13 15:57:22+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2024.2.2

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang	
2 - 3	BẢO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
4 - 5	BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 - 7	Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ
8	Bảo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ
9	Bảo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ
10 - 28	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được xét của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCON VIET NAM JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CENCON, JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 12/8/2022, Văn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Có phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCOM với mã CEN.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Mạnh Sơn
Ông Nguyễn Hữu Thường
Ông Lê Văn Bình

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Vũ Thị Hải Yến
Ông Ngô Thưởng Hưng
Bà Nguyễn Thị Dung

Trưởng Ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Văn Bình

Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BẢO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban điều hành,



Trần Mạnh Sơn
Chủ tịch HĐQT

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi:

Các Cổ đông

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét Bảo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam, được lập ngày 12 tháng 8 năm 2025, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2025, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Bảo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Bảo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Bảo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Bảo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Bảo cáo tài chính giữa niên độ.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.8 của Bản Thuyết minh Bảo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty đã nhận chuyển nhượng Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng từ ngày 16/09/2021 với giá trị 68,38 tỷ đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển quyền sở hữu từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai để sang tên cho Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam do chưa được cơ quan có thẩm quyền cấp phép đưa vào khai thác, vận hành. Bảng các tài liệu thu thập được, chúng tôi không xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.9 của Bản Thuyết minh Bảo cáo tài chính giữa niên độ, khoản đầu tư vào Công ty TNHH Ô tô Điện Cencon (nay đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Ô tô Trường Thành) số tiền 50,4 tỷ đồng đã có xác nhận của bên nhận vốn góp, tuy nhiên với các tài liệu thu thập được, chúng tôi không thể đánh giá được tính hợp của khoản đầu tư này đến Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 của Công ty.

Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của những vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 kèm theo của Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận về Bảo cáo tài chính giữa niên độ này.



Bùi Thị Thủy

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2025/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2025 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế IMPACT

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/6/2025

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2025	01/01/2025
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		110.598.745.212	103.690.592.569
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	3.067.862.372	4.293.347.882
1. Tiền	111		3.067.862.372	4.293.347.882
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.310.778.871	7.050.674.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	5.065.241.341	4.110.045.429
2. Trả trước cho người bán	132	5.3	1.245.537.530	2.938.693.592
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	-	1.935.000
IV. Hàng tồn kho	140		100.930.560.505	91.961.108.241
1. Hàng tồn kho	141	5.5	100.930.560.505	91.961.108.241
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		289.543.464	385.462.425
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	4.999.998	24.149.999
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		284.543.466	361.312.426
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119.072.350.787	120.399.518.380
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		290.850.787	1.618.018.380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	290.850.787	1.618.018.380
- Nguyên giá	222		914.861.091	3.222.039.273
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(624.010.304)	(1.604.020.893)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		68.381.500.000	68.381.500.000
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	68.381.500.000	68.381.500.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		50.400.000.000	50.400.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.9	50.400.000.000	50.400.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		229.671.095.999	224.090.110.949

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	37.265.656.079	39.580.469.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	6.1	37.265.656.079	39.580.469.940
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	35.204.200.358	36.653.117.984
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		2.061.455.721	2.927.351.956
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	925.234	1.141.207
7. Chi phí tài chính	22	6.4	19.920.772	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12.902.054	-
8. Chi phí bán hàng	24	6.5	743.610.746	1.095.358.678
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	1.257.123.291	1.288.202.255
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		41.726.146	544.932.230
11. Thu nhập khác	31	6.6	19.481.881	32.577.990
12. Chi phí khác	32	6.6	151.649	367.059.717
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		19.330.232	(334.481.727)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		61.056.378	210.450.503
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	14.641.605	115.322.199
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		46.414.773	95.128.304
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	2,14	4,38

Người lập

Kế toán trưởng

Chịu trách nhiệm

Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2025



Trần Mạnh Sơn

Phạm Trung Hải

Phạm Thị Ninh Chi

BẢO CẢO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			ngày 30/6/2025	ngày 30/6/2024
			VND	VND

1.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	01	61.056.378	210.450.503
2.	Điều chỉnh cho các khoản	02	128.467.656	281.931.681
	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	05	(20.407.115)	-
	- Lai, lỗ từ hoạt động đầu tư	06	12.902.054	-
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08	182.018.973	492.382.184
	thay đổi vốn lưu động	09	816.664.110	(7.803.042.902)
	- Tăng, giảm các khoản phải thu	10	(8.969.452.264)	8.078.362.920
	- Tăng, giảm hàng tồn kho	11	6.684.940.545	830.858.075
	- Tăng, giảm các khoản phải trả	12	19.150.001	-
	- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.902.054)	-
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(198.860.224)	(35.143.939)
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(151.649)	(1.914.935.806)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	20	(1.478.592.562)	(351.519.468)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và	22	1.218.181.818	262.700.000
	các tài sản dài hạn khác	27	925.234	1.141.207
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	30	1.219.107.052	263.841.207
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	34	(966.000.000)	-
	Tiền trả nợ gốc vay	34	(966.000.000)	-
4.	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(966.000.000)	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(1.225.485.510)	(87.678.261)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.293.347.882	7.033.740.350
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	3.067.862.372	6.946.062.089
		5.1		

Người lập Kế toán trưởng
 Lao Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2025



Phạm Thị Ninh Chi
 Phạm Trung Hải
 Trần Mạnh Sơn

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cencen Việt Nam được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần có Mã số doanh nghiệp 0107268056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2015, đăng ký thay đổi lần thứ 10 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 12 tháng 8 năm 2022.

Tên giao dịch bằng tiếng Anh: CENCEN VIET NAM JOINT STOCK COMPANY. Tên viết tắt là: CENCEN., JSC.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 10 ngày 12/8/2022, vốn điều lệ của Công ty là 217.124.400.000 VND (Bằng chữ: Hai trăm mười bảy tỷ, một trăm hai mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên thị trường UPCoM với mã CEN.

Trụ sở chính của Công ty tại: Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/6/2025 là: 9 người (tại ngày 31/12/2024 là: 9 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) ;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Đóng tàu và cầu kiện nội;
- Nuôi trồng thủy sản biển;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện;
- Đúc sắt, thép;
- Đúc kim loại màu;
- Bán buôn mây móc, thiết bị và phụ tùng mây khác;
- Chi tiết: Bán buôn mây móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
- Bán buôn mây móc, thiết bị và phụ tùng mây dệt, mau, da giày;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
- Bán buôn được phẩm và dụng cụ y tế;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên danh khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Bán buôn to, xo, sợi dệt.
- Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa;

tỉnh Lào Cai, Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCEN VIỆT NAM
Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,

Mẫu số B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa;
- Sản xuất giấy nhàn, bìa nhàn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và các sản phẩm tương tự;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (từ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá;
- Dịch vụ đồ uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Quãng cáo;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm);
- Đại lý, môi giới, đầu tư và quản lý hàng hóa;
- Chi tiết: Đại lý;
- Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng;
- Điều hành tua du lịch;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Chi tiết: Không bao gồm các sản phẩm thuốc lá, thuốc lào.
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu;
- Chi tiết: Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán).
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người và được phân).
- Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò;
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet;
- Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Chi tiết: Mua bán vàng trang sức mỹ nghệ.
- Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan;
- Chi tiết: Sản xuất đá quý và bán đá quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán đá quý tại phức hồi và nhân tạo, làm kim cương.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ trở xuống) (Trừ hoạt động đầu giá);
- Gia công cơ khí; xử lý và tăng phụ kim loại;
- Chi tiết: Gia công vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá);
- Hoạt động dịch vụ chăn nuôi;
- Bào phủ rừng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ đầu giá);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chi tiết: Bán lẻ vàng bạc, đá quý và đá bán quý trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động mua, bán vàng miếng).
- Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu;
- Chi tiết: Sản xuất đồ trang sức bằng vàng, bạc, kim loại quý khác và đá quý, đá bán quý, đá phong thủy.
- Sản xuất kim loại quý và kim loại màu;
- Chi tiết: Sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ.
- Trữ, vận, môi giới bất động sản, đầu tư đầu tư đất;
- Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Trữ, vận, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất;
- Trung gian trong việc mua, bán hoặc bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng;
- Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch;
- Trồng rừng, chăm sóc rừng và trồng giống cây lâm nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp;
- Chi tiết: Hoạt động tưới, tiêu nước phụ vụ lâm nghiệp.
- Hoạt động khai thác công việc lâm nghiệp (đào hồ, gieo trồng, chăm sóc, thu hoạch...);
- Hoạt động bảo vệ rừng, phòng chống sâu bệnh cho cây lâm nghiệp;
- Đánh giá, ước lượng số lượng cây trồng, sản lượng cây trồng;
- Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp khác (cho thuê máy làm nghiệp có cả người điều khiển...);
- Dịch vụ chăn nuôi, cứu hộ, chăm sóc động vật rừng;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Xây dựng nhà để ô;
- Xây dựng nhà không để ô;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Trồng cây gia vị, cây được liệu, cây hương liệu lâu năm;
- Trồng cây hàng năm khác;
- Chi tiết: Trồng cây được liệu, hương liệu hàng năm.
- Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Chi tiết: Khách sạn.
- Biết thư hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trữ ngắn ngày;
- Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trữ ngắn ngày tương tự;
- Cơ sở lưu trữ khác;
- Chi tiết: Ký túc xá học sinh, sinh viên.
- Cho nghỉ trọ trên xe lưu động, lưu quán, trại dùng để nghỉ tạm;
- Cơ sở lưu trữ khác chưa được phân vào đầu;
- Trồng cây lâu năm khác;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không xuyên với khách hàng (không bao gồm

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Dịch vụ ăn uống khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo);
- Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là: Kinh doanh thực phẩm đông lạnh...

1.3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được.

Các nội dung ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty

Công ty có hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn (kinh doanh vàng, đá quý). Tuy nhiên trong 6 tháng đầu năm 2025 không phát sinh việc mua bán hàng kim hoàn và toàn bộ lượng hàng này vẫn đang được lưu kho của Công ty.

2. KỲ KẾ TOÁN, CÔNG TY TIỀN TỶ DÙNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025.

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã qua hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc

Mây móc và thiết bị

Thiết bị văn phòng

Phương tiện vận tải

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Thời gian khấu hao
(Số năm)

07 - 25
05 - 07
05
07

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội đồng niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ sau khi có Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông thông báo ủy quyền chia cổ tức cho Hội đồng quản trị Công ty thực hiện và Thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

4. CÁC CHỈNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ; và

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của dịch vụ, hàng hóa trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh thu hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh thu nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh thu nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

• Chi phí thuế thu nhập doanh thu nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh thu nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh thu nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chỉnh sách thuế hiện hành.

• Chi phí thuế thu nhập doanh thu nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh thu nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thu nhập hoãn lại phải trả trong năm, hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh thu nghiệp là 20% đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông bình quân giữa quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bảo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban điều hành cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hàng hóa đông lạnh và hàng kim hoàn... và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI TOÀN GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2025	01/01/2025
Tiền mặt	936.487.446	1.486.017.570
Tiền gửi ngân hàng	2.131.374.926	2.807.330.312
Tổng	3.067.862.372	4.293.347.882

5.2 Phải thu khách hàng

	30/6/2025	01/01/2025
Ngân hàng	5.065.241.341	4.110.045.429
Công ty TNHH Cung cấp Thực phẩm An Phát	489.679.870	298.277.640
Công ty TNHH Cocozzy Việt Nam	613.347.980	262.105.720
Công ty TNHH Thực phẩm Việt Nam - Korea	779.879.237	-
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	1.498.950.895	1.600.030.075
Công ty CP BTEXD & Truyền thông Trảng An	-	600.352.554
Các khách hàng khác	1.683.383.359	1.349.279.440
Tổng	5.065.241.341	4.110.045.429

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.3 Trả trước cho người bán

30/6/2025	01/01/2025
VND	VND
1.245.537.530	2.938.693.592
307.554.650	587.305.250
380.568.750	-
-	1.717.887.920
497.414.130	497.414.130
60.000.000	136.086.292
1.245.537.530	2.938.693.592
Tổng	
Ngân hạn	
Công ty TNHH Thực phẩm Khánh Long	
Công ty TNHH Thực phẩm sạch Thương mại T&P	
Công ty CP thực phẩm quốc tế Vinex Việt Nam	
Công ty CP Sản xuất TMDV SFOOD Việt Nam	
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	

5.4 Phải thu khác

30/6/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Gia trị ghi sổ	Gia trị ghi sổ
Dự phòng	Dự phòng
-	1.935.000
-	1.935.000
-	1.935.000
-	-
Tổng	

5.5 Hàng tồn kho

30/6/2025 (VND)	01/01/2025 (VND)
Gia gốc	Gia gốc
Dự phòng	Dự phòng
100.930.560.505	91.961.108.241
-	-
43.797.073.158	34.827.620.894
-	-
57.109.301.347	57.109.301.347
-	-
24.186.000	24.186.000
-	-
100.930.560.505	91.961.108.241
Tổng	

5.6 Chi phí trả trước

30/6/2025	01/01/2025
VND	VND
4.999.998	24.149.999
4.999.998	24.149.999
4.999.998	24.149.999
Tổng	

Ngân hạn

Phí bảo hiểm và phí cấp nhật dư liệu chờ phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM

Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam

Mẫu số B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.7 Tàng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND	Phương tiện	Thiết bị dùng	Tổng
------------------	-------------	---------------	------

NGUYÊN GIÁ

Số dư tại 01/01/2025

Tàng trong kỳ

Giảm trong kỳ

Thanh lý, nhượng bán

Số dư tại 30/6/2025

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư tại 01/01/2025

Tàng trong kỳ

Khấu hao trong kỳ

Giảm trong kỳ

Thanh lý, nhượng bán

Số dư tại 30/6/2025

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư tại 01/01/2025

Số dư tại 30/6/2025

Nguyên giá tài sản hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2025 là: 48.145.455 VND (tài ngày 01/01/2025: 901.050.910 VND).

Nguyên giá và giá trị còn lại của các tài sản cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay tại ngày 30/6/2025 là 0 VND (tài ngày 01/01/2025 lần lượt là: 1.454.272.727 VND và 1.242.191.291 VND).

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí mua sắm tài sản dở dang	Chi phí mua sắm nhà hàng Lan Huy Hoàng (*)	Tổng
30/6/2025	68.381.500.000	68.381.500.000
01/01/2025	68.381.500.000	68.381.500.000
VND	VND	VND

(*) Dự án Khu dịch vụ khách sạn, nhà hàng Lan Huy Hoàng tại phường Duyên Hải, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai có diện tích 10.232 m² với quy mô: Nhà khách sạn 7 tầng, nhà điều hành, sân tennis, bể bơi, sân vườn bê tông... nhận chuyển nhượng từ Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai theo hợp đồng chuyển nhượng Dự án số 1609/2021/CNTS-CENCON ngày 16/9/2021. Giá chuyển nhượng đã được Hội đồng Quản trị thông qua theo Nghị quyết số 170/2021/CEN/NQ-HBQT ngày 16/9/2021.

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất thủ tục công chứng Hợp đồng chuyển nhượng Dự án giữa Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Công ty Cổ phần Cencon Việt Nam và được văn phòng công chứng Lê Thu Hằng tỉnh Lào Cai xác nhận ngày 12/7/2023 và hoàn thành các thủ tục thanh toán tiền chuyển nhượng. Hiện tại, hồ sơ nhận chuyển nhượng đã nộp tới Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai, tuy nhiên đến nay Công ty vẫn chưa nhận được văn bản phản hồi từ Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai do Công ty chưa đủ điều kiện để xem xét chấp thuận kết quả nghĩa vụ thu hoàn thành đưa vào sử dụng theo quy định. Hiện tại, Công ty đang phối hợp cùng Công ty TNHH MTV Duyên Hải Lào Cai và Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh Lào Cai hoàn thiện các thủ tục để nhận chuyển nhượng Dự án.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

5.9 Đầu tư tài chính dài hạn

Tỷ lệ	30/6/2025		01/01/2025	
	Quyền biểu quyết	Gia trị hợp lý phòng Dự	Gia trị hợp lý phòng Dự	Gia trị hợp lý phòng Dự
Bầu tư vào Công ty liên kết	50.400.000.000	-	50.400.000.000	-
Công ty CP Ô tô Trường Thành	48,00% 48,00%	50.400.000.000 (*)	50.400.000.000 (*)	-
Tổng		50.400.000.000	50.400.000.000	-

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ bởi không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Chi tiết về đơn vị nhận vốn góp đầu tư:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ	Tỷ lệ quyền Hoạt động sản xuất
Công ty CP Ô tô Trường Thành	Thôn Nam Giang, xã Thanh Thủy, Huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	48,00%	48,00%
Ban buôn ô tô và xe có động cơ khác			

Theo Báo cáo tài chính mới nhất của Công ty tự lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025, tổng vốn góp của Chủ sở hữu tại Công ty CP Ô tô Trường Thành là 105.051.610.082 đồng. Trong kỳ, Công ty chưa có những hoạt động cụ thể để sử dụng và mang lại thu nhập từ số vốn đã góp.

5.10 Phải trả người bán

30/6/2025 (VND)		01/01/2025 (VND)	
Gia trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Gia trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng	10.607.037.120	4.122.313.114	4.122.313.114
Công ty TNHH Đức Tân Sài Gòn	194.400.000	194.400.000	194.400.000
Công ty TNHH Thực phẩm Angiafood	6.041.255.288	-	-
Công ty TNHH Phát triển Thương mại Kim Gia Bảo	1.232.379.071	-	-
CN Công ty Cổ phần Đại Tân Việt tại Hà Nội	-	2.608.921.350	2.608.921.350
Công ty CP Thực phẩm Thiên Vương	994.085.764	-	-
Các đối tượng khác	2.144.916.997	1.318.991.764	1.318.991.764
Tổng	10.607.037.120	4.122.313.114	4.122.313.114

Cổ đông	SL	VND	%	VND	Tổng
Vốn góp của các Cổ đông	21.712.440	217.124.400.000	100%	217.124.400.000	217.124.400.000
Cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ			
	30/06/2025	01/01/2025			
	VND	VND			

Vốn đã ghi nhận

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Tài ngày 01/01/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071
Tăng trong năm	-	-	46.414.773	46.414.773
Lãi trong năm trước	-	-	16.768.121	16.768.121
Tài ngày 31/12/2024	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071
Tài ngày 01/01/2025	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.325.736.071	218.680.956.071
Tăng trong kỳ	-	-	46.414.773	46.414.773
Lãi trong kỳ này	-	-	16.768.121	16.768.121
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tài ngày 30/6/2025	217.124.400.000	(1.769.180.000)	3.372.150.844	218.727.370.844

Đơn vị tính: VND

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

5.16 Vốn chủ sở hữu

(*) Hợp đồng cấp tín dụng số 266644.24.076.3269888.TD ký ngày 13/12/2024 với Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Hoàn Kiếm. Hạn mức cho vay 20 tỷ đồng, mục đích cấp tín dụng: phục vụ hoạt động thương mại thực phẩm đông lạnh của khách hàng (không tài trợ lĩnh vực kinh doanh vàng bạc, đá quý). Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: kể từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 06/12/2025. Số tiền cho vay, lãi suất chỉ tiết theo từng lần giải ngân và nhận nợ. Hình thức vay có tài sản đảm bảo là phương tiện vận tải theo GCN số 24 000072 biên kiểm soát 24A-258.44 do phòng CSGT Công an tỉnh Lào Cai cấp ngày 27/10/2023. Trong kỳ, Công ty đã trả toàn khoản vay này.

Vay ngân hàng	-	-	966.000.000	966.000.000
Chi nhánh Hoàn Kiếm (*)	-	-	966.000.000	966.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội -	-	-	966.000.000	966.000.000
Tổng	-	-	966.000.000	966.000.000

Đơn vị tính: VND

5.15 Vay và nợ thuê tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

BẢNG THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
 Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,
 tỉnh Lào Cai, Việt Nam
 Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
 Mẫu số B09a - DN

Cho ký kết toàn kết thúc ngày 30/6/2025

5.16 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	VND	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-	-
		Vốn góp tại ngày 30 tháng 6	217.124.400.000	217.124.400.000	-
		Vốn góp giảm trong kỳ	-	-	-
		Vốn góp tăng trong kỳ	-	-	-
		Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	217.124.400.000	217.124.400.000	-
Vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	VND				
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	VND				
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	VND				

d. Cổ phiếu

	Cổ phiếu	- Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành - Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng + Cổ phiếu phổ thông - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP
30/6/2025	Cổ phiếu	21.712.440	
01/01/2025	Cổ phiếu	21.712.440	

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

6.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024 VND
188.555.000	188.555.000
37.265.656.079	37.265.656.079
37.265.656.079	39.580.469.940

Doanh thu bán hàng kim hoàn
Doanh thu bán hàng hóa thực phẩm

ΣΥΟΤ

Các khoản giảm trừ (thuế GTGT theo PP trực tiếp)

8001

37.265.656.079	39.580.469.940
----------------	----------------

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.2 Giá vốn hàng bán

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	VND
183.390.273	-	35.204.200.358	35.204.200.358
36.469.727.711	36.653.117.984		

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	VND
1.141.207	925.234	925.234	925.234
1.141.207	1.141.207		

6.4 Chi phí hoạt động tài chính

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	VND
-	12.902.054	7.018.718	19.920.772
-	-	-	-

6.5 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2024	VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025	VND
1.095.358.678	743.610.746	302.623.343	440.987.403
654.841.462	302.623.343	440.987.403	-
224.600.494	-	-	-
215.916.722	1.257.123.291	1.257.123.291	1.288.202.255
922.792.143	973.411.324	973.411.324	922.792.143
3.696.640	5.496.000	5.496.000	3.696.640
281.931.681	128.467.656	128.467.656	281.931.681
5.374.000	3.000.000	3.000.000	5.374.000
62.900.326	126.178.248	126.178.248	62.900.326
11.507.465	20.570.063	20.570.063	11.507.465
2.383.560.933	2.000.734.037	2.000.734.037	2.383.560.933

Tổng

Chi phí bán hàng

Chi phí nhân viên bán hàng

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí nhân viên quản lý

Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng

Chi phí khấu hao TSCĐ

Thuế, phí, lệ phí

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Chi phí quản lý doanh nghiệp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.6 Thu nhập khác / Chi phí khác

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025
VND	VND
32.577.990	19.481.881
32.577.990	19.481.881
Tổng	
366.160.492	-
899.225	151.649
367.059.717	151.649
(334.481.727)	19.330.232
Lợi nhuận khác	

Thu nhập khác
Thu lãi thanh lý tài sản

Tổng

Chi phí khác

Xuất hàng hủy

Lãi phát chậm nộp bảo hiểm, thuế

Tổng

Lợi nhuận khác

6.7 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025
VND	VND
210.450.503	61.056.378
366.160.492	12.151.649
-	151.649
-	12.000.000
366.160.492	-
576.610.995	73.208.027
20%	20%
115.322.199	14.641.605
Chi phí thuế TNDN hiện hành	

Lợi nhuận kế toán trước thuế

Điều chỉnh tăng

Các khoản phát hành chính, phát chậm nộp

Thu lao của HĐQT, BKS không chuyên trách

Xử lý hàng hủy

Tổng thu nhập tính thuế

Thuế suất áp dụng hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2024	Cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025
VND	VND
95.128.304	46.414.773
95.128.304	46.414.773
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	
-	-
95.128.304	46.414.773
95.128.304	46.414.773
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	
21.712.440	21.712.440
21.712.440	21.712.440
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	
4,38	2,14
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành cho kỳ kết toán kết thúc ngày 30/6/2025, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi phí nguyên vật liệu

Chi phí nhân công

Chi phí khấu hao tài sản cố định

Chi phí dịch vụ mua ngoài

Chi phí bằng tiền khác

Tổng

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các Bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty

Bên liên quan

Ông Trần Mạnh Sơn

Ông Lê Văn Bình

Ông Nguyễn Hữu Thường

Bà Vũ Thị Hải Yến

Bà Trần Thị Hà

Bà Nguyễn Thị Xuân

Ông Ngô Thuòng Hưng (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)

Bà Nguyễn Thị Dung (Bổ nhiệm ngày 26/7/2024)

Công ty CP Ô tô Trường Thanh

Và các Cổ đông, cá nhân thân cận trong gia đình của các bên liên quan.

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc

Thành viên HĐQT

Trưởng Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát

Công ty liên kết

Ảnh hưởng đáng kể

DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	188.555.000	39.391.914.940	39.580.469.940
Chi phí bộ phận	183.390.273	36.469.727.711	36.653.117.984
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.164.727	2.922.187.229	2.927.351.956
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			2.383.560.933
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			543.791.023
Doanh thu hoạt động tài chính			1.141.207
Chi phí tài chính			-
Thu nhập khác			32.577.990
Chi phí khác			367.059.717
Thuế TNDN hiện hành			115.322.199
Lợi nhuận sau thuế			95.128.304

Đơn vị tính: VND

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2024

Công ty phân chia hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh hàng thực phẩm đông lạnh, và hoạt động kinh doanh hàng kim hoàn để lập báo cáo bộ phận.

7.2 Báo cáo bộ phận

Hợp vụ		Chức vụ			
Thủ lao của Hội đồng Quản trị					
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT				
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc				
Ông Nguyễn Hữu Thường	Thành viên HĐQT, người CBRT				
Thủ lao của Ban Kiểm soát					
Ông Ngô Thurgng Hưng	Thành viên Ban Kiểm soát				
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát				
Thu nhập của Giám đốc và những người quản lý khác					
Ông Trần Mạnh Sơn	Chủ tịch HĐQT		204.144.936	118.510.000	
Ông Lê Văn Bình	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc		192.546.904	116.410.000	
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban Kiểm soát		121.583.581	-	
Tổng			518.275.421	234.920.000	

a. Thủ lao và thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

7.1 Thông tin về các Bên liên quan (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

CÔNG TY CỔ PHẦN CENCON VIỆT NAM
Lô 45 - 50B đường Thủy Hoa, phường Lào Cai,
tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
Mẫu số B09a - DN

Mẫu số B09a - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính
tỉnh Lào Cai, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025

7.2 Bảo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025

DOANH THU			
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	37.265.656.079	37.265.656.079
Chi phí bộ phận	-	35.204.200.358	35.204.200.358
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	2.061.455.721	2.061.455.721
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			2.000.734.037
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		60.721.684	925.234
Doanh thu hoạt động tài chính		19.920.772	19.481.881
Chi phí tài chính		151.649	14.641.605
Thu nhập khác			46.414.773
Chi phí khác			
Thuế TNDN hiện hành			
Lợi nhuận sau thuế			

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30/6/2024 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập

Kế toán trưởng

Phạm Thị Ninh Chi

Phạm Trung Hải

Trần Mạnh Sơn



Lào Cai, ngày 12 tháng 8 năm 2025